TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2024/HNGĐ-ST
Ngày 05/7/2024
"V/v *ly hôn, nuôi con chung giữa anh Luân và chị Thương*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông Vũ Văn Sâm

2.Bà Vũ Thị Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Minh Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 26/2024/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024, về việc "*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Anh Đào Văn L, sinh năm 1990

Nơi cư trú: Thôn K, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- ***Bị đơn***: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1994

Nơi ĐKHKTT: Thôn K, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Nơi cư trú: Thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(*Tại phiên tòa có mặt các đương sự)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa nguyên đơn anh Đào Văn L trình bày*:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T tự do, tự nguyện tìm hiểu dẫn đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q vào ngày 17/11/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh. Quá trình chung sống đến ngày 23/3/2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

mâu thuẫn là do anh nghi ngờ chị T có biểu hiện không chung thuỷ, cũng thời gian đó vợ chồng ly thân. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn, anh xin ly hôn chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Đào Phương L1 sinh ngày 20/7/2013, Đào Minh Hiếu sinh ngày 28/12/2016 và Đào Minh H sinh ngày 17/9/2019, cả 03 con đều đang ở với chị T. Ly hôn, anh nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng con Đào Minh H1 và con Đào Minh H, anh để chị T trực tiếp nuôi dưỡng con L1, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***- Tại bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày*:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị xác nhận thời gian, điều kiện hoàn cảnh kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian vợ chồng ly thân như anh Đào Văn L đã trình bày. Nay anh L có đơn xin ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L không còn nhưng vì thương các con chị không đồng ý ly hôn anh L.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 03 con chung như anh Đào Văn L đã trình bày là đúng. Nếu ly hôn, chị nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng con Đào Phương L1 và con Đào Minh H, chị để anh L nuôi con Đào Minh H1. Chị không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con Đào Phương L1, chị yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con Đào Minh H 2.000.000 đồng/tháng. Hiện tại, chị không có thai nghén gì.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về nội dung: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đào Văn L được ly hôn chị Nguyễn Thị T; Về nuôi con chung: Xử giao con chung Đào Phương L1 sinh ngày 20/7/2013 và Đào Minh H sinh ngày 17/9/2019, cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Đào Minh Hiếu sinh ngày 28/12/2016 cho anh Đào Văn L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L có trách nhiệm cấp dưỡng cho con H 1.500.000đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng cho con tính từ tháng 7/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị T, anh L đều có quyền, nghĩa vụ đi lại trông nom và giáo dục con chung; Về tài

sản: không đặt ra giải quyết; Anh L phải chịu cả tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đào Văn L khởi kiện ly hôn và nuôi con chung với với chị Nguyễn Thị T, do chị T là bị đơn cư trú thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đào Văn L và chị Nguyễn Thị T là vợ chồng, được UBND xã Q cấp giấy chứng nhận kết hôn số 30 ngày 17/11/2012 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến ngày 23/3/2023, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L nghi ngờ chị T không chung thuỷ, cũng thời gian đó vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh L xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn, anh xin ly hôn chị T. Còn chị T xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L vẫn còn, chị không đồng ý ly hôn anh L. Tòa án đã tiến hành hoà giải nhưng không có kết quả. Mặt khác, đến nay vợ chồng vẫn ly thân, không ai quan tâm đến ai, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa anh L và chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân của anh chị thực tế chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, nên cần xử cho anh L được ly hôn chị T là phù hợp với Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh Đào Văn L và chị Nguyễn Thị T có 03 con chung là Đào Phương L1 sinh ngày 20/7/2013, Đào Minh Hiếu sinh ngày 28/12/2016 và Đào Minh H sinh ngày 17/9/2019, cả 03 con đều đang ở với chị T. Ly hôn, anh L nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng con Đào Minh H1 và con Đào Minh H, anh để chị T trực tiếp nuôi dưỡng con Đào Phương L1, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị T nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi con Đào Phương L1 và Đào Minh H. Xét nguyện vọng nuôi con của chị T và anh L thấy: cả hai đều có điều kiện nuôi con ngang nhau, cháu L1 có nguyện vọng ở với chị T, cháu H1 có ý kiến ở với ai cũng được, con H còn nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ nên giao con chung Đào Phương L1 và Đào Minh H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Đào Minh H1 cho anh L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con L1, chị yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con H 2.000.000 đồng/tháng, còn anh L có ý kiến anh chỉ có khả năng cấp dưỡng được cho con H 1.500.000 đồng/tháng, mức cấp dưỡng của anh L là phù hợp, chị T cũng nhất trí nên cần chấp nhận anh L cấp dưỡng cho con H 1.500.000 đồng/tháng là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự, đáp ứng được nguyện vọng của con chung và phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Anh Đào Văn L và chị Nguyễn Thị T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên về tài sản chung Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Anh Đào Văn L phải chịu cả tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng cho con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Anh Đào Văn L và chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đào Văn L được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. Về nuôi con chung: Xử giao con chung Đào Phương L1 sinh ngày 20/7/2013 và Đào Minh H sinh ngày 17/9/2019 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Đào Minh Hiếu sinh ngày 28/12/2016 cho anh Đào Văn L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con L1, anh L không yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con H1. Anh L có trách nhiệm cấp dưỡng cho con Đào Minh H 1.500.000đ/tháng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng một tháng*), thời gian cấp dưỡng cho con tính từ tháng 7/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh L, chị T đều có quyền đi lại thăm nom và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Anh L, chị T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu cấp dưỡng và thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Đào Văn L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng cho con. Số tiền 300.000 đồng anh L đã nộp theo biên lai thu số 0004628 ngày 26 tháng 02 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ được chuyển thành tiền án phí, anh L còn phải nộp thêm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn anh Đào Văn L và bị đơn chị Nguyễn Thị T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Quỳnh Phụ;*
- *Chi cục thi hành án dân sự h.Quỳnh Phụ;*
- *Nơi ĐKKH: UBND xã Quỳnh Khê;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Duyên